

SUY NGHĨ VỀ SỰ CHỈ DẪN CÁCH DÙNG NHƯ MỘT CHIẾN LƯỢC NGÔN TỪ TRONG TẦM NHÌN NGÔN NGỮ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN LAI*

*Phải chăng, lâu nay khi nói đến cách dùng ngôn ngữ của Hồ Chí Minh, hình như phần lớn chúng ta chỉ dừng lại ở cách thực hành ngôn ngữ của Người. Chúng ta chưa thực sự đi sâu vào **sự chỉ dẫn cách dùng** với đầy đủ ý nghĩa chiến lược ngôn từ. Trong giai đoạn nghiên cứu ngôn ngữ hiện nay, có lẽ đây là vấn đề chúng ta cần cập nhật với tầm nhìn hội nhập vào thế giới.*

Từ khóa: ngôn từ, ngôn ngữ, tầm nhìn ngôn ngữ Hồ Chí Minh.

Ngày nhận: 29/3/2016; ngày phản biện, sửa chữa: 25/5/2016; ngày chấp nhận đăng: 2/8/2016

1. CHỈ DẪN CÁCH DÙNG TRONG TẦM NHÌN NGÔN NGỮ HỒ CHÍ MINH

Tầm nhìn ngôn ngữ của Hồ Chí Minh trước hết là tầm nhìn thực tiễn của người trực tiếp hành động cách mạng. Thông qua *cách dùng*, điều này đã thấm sâu và chuyển hóa thành một chiến lược ngôn từ trong tầm nhìn ngôn ngữ Hồ Chí Minh. Trong mối liên hệ với tầm nhìn hội nhập hiện nay, hình như chúng ta ngày càng nhận rõ hơn rằng, lý luận cập nhật đang được chia sẻ, thực ra, không phải là điều gì

quá cao xa. Trái lại, đó là một tầm nhìn đang định hướng ngày càng cụ thể và triệt để vào *thực tiễn đời sống xã hội* - nơi vốn là *hiện trường tương tác* của Hồ Chí Minh mà chính từ đó và *qua đó*, Người đã đúc kết trải nghiệm, đem lại sức sống thực tiễn cho ***cách dùng*** như một chiến lược ngôn từ trong tầm nhìn ngôn ngữ: *“Viết để làm gì, viết cho ai, viết như thế nào?... Mỗi câu nói, mỗi chữ viết phải tỏ rõ cái tư tưởng và lòng ao ước của quần chúng... Trước khi nói cho quần chúng hiểu phải hiểu quần chúng... Khi nói, khi viết phải làm cho quần chúng hiểu, đều tin, đều quyết tâm làm theo lời kêu gọi của mình...”*.

* Đại học Quốc gia Hà Nội.

Qua hệ thống chỉ dẫn cách dùng của Hồ Chí Minh, rõ ràng, chức năng ngôn ngữ ở đây được đặt vào *mục đích hành động có định hướng xã hội của con người*. Có thể nói, các khuynh hướng ngôn ngữ học mới mang tính dụng học ngày nay đang gặp **cách dùng** của Hồ Chí Minh chính ở cách hiểu triết để hơn về mục đích thực tiễn này. Như vậy, một tiền giả định chung quy định chức năng ngôn ngữ *trong tính triết để về mặt định hướng xã hội của nó* đã bắt đầu được chia sẻ. Theo tôi, chắc chắn không phải ngẫu nhiên mà Lakoff (2008) đã sớm khuyến cáo chúng ta “khi nghiên cứu, cần xem người sử dụng ngôn ngữ nắm bắt khái niệm, hiểu nó và vận dụng với mục đích gì vào tương tác xã hội...” Và, cũng như vậy, vì sao Halliday (1978) từ lâu phải nhấn mạnh: Cái cốt lõi của chức năng phải là “mục đích sử dụng”, là “biểu đạt nghĩa trong đời sống xã hội”, “biết ngôn ngữ là phải làm gì với ngôn ngữ”...

Để làm rõ cách nhìn trên, thử bắt đầu với hai phát ngôn “*đại gia đình quân đội nhân dân*” và “*đại gia đình các dân tộc anh em*” theo cách dùng của Hồ Chí Minh. Trường hợp này, nếu ta chỉ dừng lại ở cách xử lý cấu trúc hình thức với câu hỏi quen thuộc “*đại gia đình gì*” (để sau đó xác định “*quân đội nhân dân*”, “*các dân tộc anh em*” là thành phần định ngữ của cấu trúc) thì, trong cách hiểu, vô tình ta đã tách ngôn ngữ ra khỏi tương tác xã hội và, từ đó, vô hiệu hóa hiệu lực xã hội đích thực của hành động ngôn ngữ? Phải chăng, tại đây, nếu không đi vào mục

đích sử dụng thì ta không hiểu được rằng: khi dùng “*đại gia đình quân đội nhân dân*” và “*đại gia đình các dân tộc anh em*” là Hồ Chí Minh đã gọi lên một mẫu mực hành vi mới, mong muốn mọi người cùng “*đoàn kết như một gia đình*”, coi đó như là “sự chia sẻ ý định và niềm tin” (Stalnaker, 1999: 88) trong tương tác quan hệ xã hội mới cần hướng tới

Như vậy, **cách dùng** của Hồ Chí Minh chính là cách đặt hoạt động ngôn ngữ vào tương tác xã hội để định hướng hành động xã hội cho con người.

Khi tiếp cận quá trình thực thi sự chỉ dẫn cách dùng của Hồ Chí Minh, do vậy, nếu chỉ dừng lại ở *văn cảnh văn bản* (textual context), phân tích cấu trúc hình thái, không mở rộng vào *văn cảnh tình huống ngoài ngôn ngữ* (extralinguistic situational context) gắn với tương tác xã hội thì ta khó nhận ra được sức mạnh thực tiễn của **cách dùng**. Như vậy, thông qua sự chỉ dẫn **cách dùng** trên, có thể nói, Hồ Chí Minh là người đã tạo điều kiện để giới ngữ học điều chỉnh nhận thức, chuyển cách nhìn *cấu trúc hình thức* mang nặng tính học đường sang *cách dùng* theo hướng tương tác xã hội, hòa nhập vào tầm nhìn ngôn ngữ xã hội học gắn với dụng học đang cập nhật hiện nay. Không làm rõ cơ chế mặc định này trong *cách dùng* của Hồ Chí Minh theo hướng trên, ta khó thấy được chính sức mạnh thực tiễn của **sự chỉ dẫn cách dùng** là nhân tố đã mở ra một xu thế hội nhập cho *chiến lược ngôn từ* của Hồ Chí Minh (Nguyễn Lai, 2003).

... *Mỗi câu nói, mỗi chữ viết phải tỏ rõ cho được cái tư tưởng và lòng ao ước của quần chúng... Trước khi nói cho quần chúng hiểu phải hiểu quần chúng... Khi nói, khi viết phải làm cho quần chúng đều hiểu, đều tin, đều quyết tâm làm theo lời kêu gọi của mình...*

Hệ thống liên hoàn chỉ dẫn cách dùng nêu trên của Hồ Chí Minh chính là sản phẩm đúc kết từ trải nghiệm thực tiễn qua hành động tương tác xã hội để *tác động trở lại* – tương tác xã hội.

Trong mối liên hệ với dụng học ngày nay thì *cách dùng* nằm trong sự chỉ dẫn như một *chiến lược ngôn từ của Hồ Chí Minh* không đơn giản chỉ dùng lại ở nguyên tắc lý thuyết như xác định của Levinson (1983): “Dụng học nghiên cứu mối quan hệ giữa ngôn ngữ và ngữ cảnh **đã được mã hóa trong cấu trúc ngôn ngữ**” (tôi nhấn mạnh – NL); trái lại, với Hồ Chí Minh, đây là sự chỉ dẫn cho con người cách định hướng hành động ngôn ngữ **vào quá trình đang diễn ra tương tác xã hội**. Không có sự phân biệt này thì khó nhận rõ được giá trị thực tiễn cốt lõi nhất đang nằm trong chiến lược ngôn từ Hồ Chí Minh. Trong tính xã hội lịch sử cụ thể của nó, thì đây chính là thời kỳ vận động cách mạng, nâng cao dân trí để thức tỉnh quần chúng “...*Sách này mong sao cho đồng bào xem rồi thì nghĩ lại, nghĩ rồi tỉnh dậy, tỉnh rồi đứng lên đoàn kết làm cách mạng...*” (Tuyên ngôn trong *Đường cách mệnh* – Hồ Chí Minh, 1989: 2, 3). Văn cảnh tình huống xã hội nằm ngoài ngôn ngữ ở đây, với cách hiểu cập

nhật hiện nay, do vậy, theo tôi, không thể không bao hàm cả “trạng thái chia sẻ ý định và niềm tin” (Stalnaker, 1999: 88) – một nhân tố trực tiếp định hướng tương tác xã hội vốn có vai trò thay đổi văn cảnh xã hội. Không thấy sức mạnh của động lực tinh thần này trong *nội hàm văn cảnh* thì khó nhận rõ tác dụng to lớn của *chỉ dẫn cách dùng ngôn từ* của Hồ Chí Minh với đầy đủ ý nghĩa xã hội lịch sử của nó.

Đối tượng trực tiếp của sự *chỉ dẫn cách dùng* này trước hết dĩ nhiên là đội ngũ tuyên truyền vận động cách mạng. Trong sự chỉ dẫn này, *cách dùng* của Hồ Chí Minh không dừng lại ở thể giải mã hình thái cấu trúc, trái lại, nó đã được rộng mở vào tầm nhận thức ngôn ngữ xã hội học theo hướng chỉ dẫn quá trình hành động cách mạng là lẽ đương nhiên. *Mỗi câu nói, mỗi chữ viết phải tỏ rõ cái tư tưởng và lòng ao ước của quần chúng... Trước khi nói cho quần chúng hiểu phải hiểu quần chúng...* Đối với đội ngũ tuyên truyền vận động cách mạng đương thời, đây chính là sự hòa nhập vào quảng đại quần chúng để thức tỉnh họ, biến sự hiểu biết của họ thành sức mạnh của lòng tin để hành động cách mạng... *Khi nói, khi viết phải làm cho quần chúng đều hiểu, đều tin, đều quyết tâm làm theo lời kêu gọi của mình...* Như vậy, có thể nói, ở đây, sự chỉ dẫn cách dùng của Hồ Chí Minh đã rộng mở thành một đường lối quần chúng trong cách thức tỉnh con người theo một chủ nghĩa nhân văn thời đại cách mạng Hồ Chí Minh. Theo tôi, phải từ tầm nhìn này, chúng ta mới

cảm nhận hết được nhiệt tình, nhiệt huyết và ngọn nguồn cảm hứng của một tinh thần kiên trì và triệt để cách mạng nằm trong chiến lược ngôn từ Hồ Chí Minh.

Trong mối liên hệ này, chẳng hạn, dễ thấy nhất có lẽ là vấn đề mở rộng cách hiểu về tính quần chúng. *Mỗi câu nói, mỗi chữ viết phải tỏ rõ cái tư tưởng và lòng ao ước của quần chúng... Trước khi nói cho quần chúng hiểu, phải hiểu quần chúng...*

Từ quan điểm thực tiễn của mình, trước hết, Hồ Chí Minh quan tâm đến đối tượng tiếp nhận là quảng đại quần chúng một cách toàn diện và triệt để. Ở đây, Hồ Chí Minh không trực tiếp nêu ra *lý thuyết xác lập thông tin phản hồi hai chiều* theo cách diễn giải của giới lý luận ngày nay. Nhưng, từ nhiệt tình hành động cách mạng, Người đã triệt để hướng chúng ta vào *hiệu lực cuối cùng* của quá trình giao tiếp qua cách tạo nghĩa từ chiều sâu của một *đường lối quần chúng cách mạng* dành cho ngôn ngữ. Tức là, ở đây, muốn **viết như thế nào** người viết không thể không biết *viết để làm gì và viết cho ai* và; và khi **viết cho ai**, người viết không thể không biết *...mỗi câu nói mỗi chữ viết phải tỏ rõ cái tư tưởng và lòng ao ước của quần chúng... và ... trước khi nói cho quần chúng hiểu phải hiểu quần chúng...*

Qua cách tạo nghĩa liên hoàn mang tính biện chứng từ hệ thống mô hình, rõ ràng, Hồ Chí Minh luôn tính đến tâm lý và nguyện vọng của quần chúng. Lấy đó làm tiền đề phản hồi

cho quá trình định hướng xác lập thông tin nhằm tạo hiệu lực tối ưu cho yêu cầu giao tiếp... Phải chăng, tính triệt để về một đường lối quần chúng trong *chiến lược ngôn từ* (qua mô hình chỉ dẫn) đã trùng hợp với tinh thần lý thuyết xác lập *thông tin hai chiều* hiện nay chính là ở cơ chế vừa nêu. Như vậy, nhiệt tình cách mạng và tầm nhìn thực tiễn của Hồ Chí Minh chính là động lực đã biến **sự chỉ dẫn cách dùng** thành một **chiến lược ngôn từ** nằm đúng vào tầm ngắm mới của khoa học hiện nay. Trong trường hợp này, để lý giải đúng *sự chỉ dẫn cách dùng như một chiến lược ngôn từ trong tầm nhìn ngôn ngữ Hồ Chí Minh*, rõ ràng, chúng ta không thể không đi sâu vào cơ chế xác lập thông tin theo hướng phản hồi nằm trong lý thuyết thông tin hiện đại...!

Như vậy, phải chăng, lâu nay khi nói đến *cách dùng* ngôn ngữ của Hồ Chí Minh, hình như phần lớn chúng ta chỉ dừng lại ở cách thực hành ngôn ngữ của Người. Chúng ta chưa thực sự đi sâu vào *sự chỉ dẫn cách dùng* trong tinh thần cập nhật với tầm nhìn hội nhập mà chúng ta cần hướng tới? (Nguyễn Lai, 2003).

Về phương diện này, tưởng cũng cần trở lại làm rõ thêm một chỉ dẫn tiêu biểu quen thuộc khác vốn đã nêu: *Khi nói khi viết phải làm cho quần chúng đều hiểu, đều tin, đều quyết tâm làm theo lời kêu gọi của mình*. Đây đích thực là sản phẩm của một thời vận động cách mạng để thức tỉnh quần chúng. Cái mới mang tính chiến lược ngôn từ vốn ít khi được chỉ rõ ở đây là

sự mở rộng tối đa chức năng xã hội của ngôn ngữ đồng thời cũng là sự đòi hỏi *trách nhiệm xã hội tối cao* đối với người sử dụng.

Qua trải nghiệm, chúng tôi thấy rất rõ: nếu chỉ bằng lòng cách hiểu chức năng theo hướng hình thức ngày nào, không đi vào tầm nhìn cập nhật “biết ngôn ngữ là phải làm gì với ngôn ngữ” và “hành vi ngôn ngữ không phải là thủ tục nói năng, mà là kết quả hành động xã hội” đang được chia sẻ, thì ta khó có cơ sở để lý giải đầy đủ *tính chiến lược ngôn từ* qua định hướng trực tiếp, những chỉ dẫn vừa cụ thể, vừa triệt để, vừa rất hiện ngôn của Hồ Chí Minh ...*Khi nói khi viết phải làm cho quần chúng đều hiểu đều tin, đều quyết tâm làm theo lời kêu gọi của mình...* Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến chức năng của ngôn ngữ. Nhưng rõ ràng, ở đây, Người không bằng lòng chỉ dừng lại ở chức năng *nhận thức* và chức năng *giao tiếp*. Với quan điểm thực tiễn sâu sắc của mình, Người đã hướng ngôn ngữ vào *hiệu lực đích thực cuối cùng* mà người trực tiếp hành động cách mạng phải hướng tới... **Hiểu, tin** và **làm** – vâng, **hiểu, tin** để mà **làm**...! Thời đại Hồ Chí Minh là thời đại vận động quảng đại quần chúng đứng lên trực tiếp hành động cách mạng. Chính động lực thực tiễn nằm trong sự *chỉ dẫn cách dùng* này là nhân tố đã tác động mạnh mẽ đến sự mở rộng cơ chế nội hàm chức năng ngôn ngữ trong chiến lược ngôn từ Hồ Chí Minh: **Hiểu, tin** và **làm** - **hiểu, tin** để mà **làm**... Phải chăng, chính Hồ Chí Minh là người đầu tiên

đã gọi mở cho chúng ta cách “thực tiễn hóa tầm nhìn kinh điển” đối với chức năng ngôn ngữ!

Không làm rõ sức mạnh của động lực thực tiễn này trong sự chỉ dẫn cách dùng của Hồ Chí Minh, ta khó lý giải đích thực được *cái giá trị bản chất nhất của chức năng ngôn ngữ thời đại Hồ Chí Minh* đang nằm trong *chiến lược ngôn từ* của chính Hồ Chí Minh.

2. MỘT SỐ GHI NHẬN CHUNG

1. Có thể nói hạt nhân thực tiễn của *cách dùng* trong chiến lược ngôn từ Hồ Chí Minh là một động lực ẩn chứa nhiều tiềm năng lý luận, có sức mạnh lan tỏa trên nhiều mặt hoạt động ngôn ngữ tiếng Việt thời đại Hồ Chí Minh. Trước hết, nó đặt tiếng Việt vào thế hành động để biến hành vi ngôn ngữ thành hành động xã hội, qua đó, tiếng Việt lần đầu tiên được quần chúng hóa và xã hội hóa cao độ. Mặt khác, đây cũng chính là tiền đề đưa cách nhìn *tham chiếu ngữ pháp tính* mang nặng tính học đường trở về quỹ đạo *tham chiếu cách dùng* gắn đích thực với tương tác xã hội trong quan niệm của người nghiên cứu.

2. Tiếng Việt phát triển trong giao tiếp cách mạng của quảng đại quần chúng thời đại Hồ Chí Minh với sức mạnh thực tiễn nói trên là một thứ tiếng Việt hành chức mạnh mẽ theo hướng ngôn ngữ học xã hội. Nó hoàn toàn không xa lạ với xu thế nghiên cứu chung trong tầm nhìn cập nhật đang được chia sẻ hiện nay. Tại đây, sức mạnh của hạt nhân thực tiễn vốn tạo nên Chiến Lược Ngôn Từ của Hồ Chí

Minh này còn là hiện thân của nhiều dự báo dễ thấy về mặt lý thuyết, đồng thời cũng là chỗ dựa đáng tin cậy cho sự kiểm chứng những lý thuyết cập nhật đã được nêu trong cách chia sẻ của chúng ta.□

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Halliday, M.A.K. 1978. *Language as Social Semiotic: The Social Interpretation of Language and Meaning*. Baltimore: University Park Press.
2. Hồ Chí Minh. 1989. *Toàn tập 1980 - 1989*, tập 10. Hà Nội: Nxb. Sự thật.
3. Lakoff, G. 2008. *Chúng ta sống theo ẩn dụ*. TPHCM: Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.
4. Levinson, S.C. 1983. *Pragmatics*. Cambridge: Cambridge University Press.
5. Nguyễn Lai. 2003. *Tiếng Việt và nhà văn hóa lớn Hồ Chí Minh*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Stalnaker, R. 1999. *Context and content*. Oxford Uni Press.